

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23/4/2023

V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh

Bà Nguyễn Thị Quế Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 451/2023/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐST ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thân Thị N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, đường P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1983; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm G (xóm 13 cũ), xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện ở Cộng hòa liên bang Đ. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Đình T1, bà Hồ Thị T2. Địa chỉ: xóm G (xóm A cũ), xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Thân Thị N trình bày: Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2009 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian khoảng 04 năm thì anh T tiếp tục quay lại Cộng hòa liên bang Đ. Thời gian đầu hai vợ chồng liên lạc bình thường, năm 2016

anh T về thăm nhà và sau đó tiếp tục trở lại Đ. Từ đó đến nay, hai vợ chồng ít liên lạc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N làm đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Bảo P, sinh ngày 22/9/2004 và Lê Yến C, sinh ngày 16/8/2010. Hiện tại cháu P đã đủ 18 tuổi trưởng thành, đã đi làm; cháu C đang ở với ông bà nội là ông Lê Đình T1 và bà Hồ Thị T2. Nay ly hôn nguyện vọng của chị là được chăm sóc và nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu C cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Lê Ngọc T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh Lê Ngọc T có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án...cho anh Lê Ngọc T thông qua ông Lê Đình T1 và bà Hồ Thị T2 là bố mẹ của anh Lê Ngọc T; thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật, nhưng hiện anh Lê Ngọc T vẫn vắng mặt không có lý do. Theo trình bày của ông T1, bà T2 thì anh T đang ở nước ngoài, vẫn liên lạc về với ông bà qua điện thoại, nhưng không nói địa chỉ hiện tại của anh T ở đâu. Ông T1, bà T2 đã thông tin cho anh T biết việc chị N làm đơn ly hôn tại Tòa án, ý kiến anh T là đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Ông bà không yêu cầu chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh T, chị N trong suốt thời gian qua.

Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 2056/QLXNC-P3 ngày 23/01/2024 của Cục Q – Bộ C1: Anh Lê Ngọc T có thông tin xuất nhập cảnh 15 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 06/3/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Thân Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Lê Ngọc T; giao con chung của vợ chồng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, chia tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Lê Ngọc T có địa chỉ trước khi đi nước ngoài tại xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, hiện đang sinh sống tại CHLB Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng cho ông Lê Đình T1, bà Hồ Thị T2 (là bố mẹ đẻ của anh T), đề nghị thông báo cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị N. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định hoãn phiên tòa, tại nơi cư trú của anh T trước khi đi nước ngoài và yêu cầu ông T1, bà T2 cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nhưng ông bà không cung cấp được. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ đối với anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Ông Lê Đình T1, bà Hồ Thị T2 đề nghị xét xử vắng mặt, chị Thân Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, chị Thân Thị N và anh Lê Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2009. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau đó, khi anh T ở nước ngoài và không được hàn gắn, giải quyết. Đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cùng hướng đến xây dựng hạnh phúc. Khi biết chị N xin ly hôn tại Tòa án, anh T cũng có ý kiến đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Thân Thị N và anh Lê Ngọc T không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Thân Thị N. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Thân Thị N được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Lê Bảo P, sinh ngày 22/9/2004 và Lê Yến C, sinh ngày 16/8/2010. Hiện tại cháu P đã đủ 18 tuổi

trưởng thành, đã đi làm, quyền quyết định là ở cháu; cháu C đang ở với ông bà nội là ông Lê Đình T1 và bà Hồ Thị T2.

Xét thấy, việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con cái là quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ, vì vậy, mặc dù cháu C đang ở với ông bà nội, nhưng cần giao cho bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tú đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể, chưa có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung, chị N đang ở Việt Nam và có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Vì vậy, cần giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Chi phí nuôi dưỡng con chung của vợ chồng anh T, chị Nhân từ trước đến nay, ông T1, bà T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3.3] Tài sản chung, nợ: Chị Thân Thị N chưa yêu cầu giải quyết và anh Lê Ngọc T cũng chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Thân Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thân Thị N.

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị N được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

[2] Con chung: Giao con chung là cháu Lê Yến C, sinh ngày 16/8/2010 cho chị Thân Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Thân Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001256 ngày 24/10/2023.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Chị Thân Thị N, ông Lê Đình T1, bà Hồ Thị T2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Lê Ngọc T đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA. TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường